

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HS-ST
Ngày 10-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Quang Sáng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hà Thị M Quế**
Ông **Nguyễn Xuân Phong**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Thị Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2020/HSST ngày 28 tháng 10 năm 2020; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/HSST-QĐ ngày 27-11-2020 đối với các bị cáo:

1. Bàn Văn B, sinh ngày 15/4/1986, tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKNKTT tại: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bàn Văn S, sinh năm 1959 và bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1959;

Có vợ là Hà Thị T, sinh năm 1985; bị cáo có 2 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/6/2020; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; có mặt tại phiên tòa.

2. Triệu Văn T, sinh ngày 4/01/1998, tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKNKTT tại: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Triệu Văn T, sinh năm 1978 và bà Bàn Thị T, sinh năm 1979;

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. Bàn Văn Đ, sinh ngày 20/6/1983, tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKNKTT tại: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bàn Văn S, sinh năm 1959 và bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1959;

Có vợ là Lý Thị N, sinh năm 1990; bị cáo có 1 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. Bàn Văn M, sinh ngày 15/5/1972, tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKNKTT tại: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bàn Văn T (Đã chết) và bà Đặng Thị B (Đã chết);

Có vợ là Triệu Thị T, sinh năm 1973; bị cáo có 3 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1984. Vắng mặt
Trú tại: Thôn Trục Trong, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Những người làm chứng:

1. Anh Đặng Văn H, sinh năm 1995. Có mặt
Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

2. Chị Hà Thị T, sinh năm 1985. Vắng mặt
Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

3. Chị Lý Thị N, sinh năm 1990. Có mặt
Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

4. Anh Bùi Hoàng L, sinh năm 1987. Vắng mặt
Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

5. Chị Đặng Thị Phiến, sinh năm 1995. Vắng mặt
Trú tại: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái.

6. Anh Bàn Văn S, sinh năm 1991. Vắng mặt
Trú tại: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Do nghi ngờ vợ mình là Hà Thị T đi theo Đặng Văn T nên chiều ngày 10/6/2020 Bàn Văn B đi lên xã L để theo dõi nhằm bắt quả tang vợ đi ngoại tình. Khi thấy Hà Thị T đi cùng Đặng Văn T vào thôn Trục Trong, xã L, huyện V thì B quay về nhà. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày B gọi điện cho Đặng Văn Đ (anh trai B), Đặng Văn H (em họ B) đều ở cùng thôn sang nhà B nhờ tí việc. Sau đó B đi xe sang nhà Triệu Văn T (cháu B) nhờ T cùng đi bắt quả tang vợ B ngoại tình. T đồng ý và lên xe đi cùng B về nhà B. Khi B và T về đến nhà thì Đ, H cũng đến nơi. Tại đây B nói với mọi người vợ mình đi cặp bồ và nhờ mọi người đi bắt quả tang, mọi người đều đồng ý. Trước khi đi, B chuẩn bị một con dao tay, một đoạn

gậy gỗ quế, hai đoạn dây thừng để vào trong cốp xe của mình. Đến khoảng 23 giờ B cùng mọi người đến gần một lán nương thuộc thôn Trục Trong, xã L thì dừng lại. Mọi người đứng cách lán nương khoảng 300m rồi để xe ở đó, B lấy dao, gậy và dây rồi cùng mọi người đi đến lán nương. Đến nơi, B nghe thấy tiếng người trong lán, biết chắc là chị T. Sau đó B đưa dao cho H cầm vì sợ không làm chủ được bản thân có thể chém T rồi B đập cửa lán xông vào thì phát hiện vợ mình đang nằm cùng với T. B đè lên người T, rồi dùng chân, tay nắm, đá vào mặt, vào người T. Còn Đ cầm đèn pin soi, T cũng lao vào mỗi người giữ một tay của anh T để B dùng dây thừng trói hai tay của T lại. Còn H thấy trên sạp của lán nơi T và T đang nằm có 01 con dao thì H cầm lên rồi đi ra cửa lán đứng. Sau khi bắt, trói được T thì B gọi điện thuê xe của Bùi Hoàng L đến đón B về nhà, B bảo T xuống đường đón xe của anh L. Trong lúc ngồi chờ anh L thì T cởi được dây trói rồi bỏ chạy, B và Đ đuổi theo được khoảng 50m bắt được T. B dùng chân, tay nắm, đá T còn Đ giữ tay anh T để B dùng dây thừng trói tay T lại. Sau đó B, Đ đưa anh T xuống chỗ xe của anh L đang chờ ở dưới. Anh L chở B và anh T về nhà B, còn Đ, T và H đi xe máy về sau. Khi về đến nhà, B trói anh T vào cột trước hiên nhà, B dùng tay tát vào mặt anh T và cầm dao đe dọa để T không quan hệ với vợ của B nữa. Nếu còn tiếp tục quan hệ với vợ của B thì B sẽ yêu cầu anh T bồi thường số tiền 100.000.000đ. Sau đó B nhờ chú của mình là Bàn Văn M trói T lại, M đồng ý và dùng dây trói hai tay T lại với nhau rồi buộc dây còn lại vào cột hiên nhà. Đến khoảng 06 giờ ngày 11/6/2020 thì Công an xã Đ đến lập biên bản sự việc rồi đưa B về Ủy ban nhân dân xã làm việc.

Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ 02 con dao, loại dao tay; 02 đoạn dây chạc; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A11 màu xanh đen của Bàn Văn B và 01 phong bì thư do bưu điện phát hành đựng USB bên trong (thẻ nhớ trong điện thoại Oppo A11 của B); 01 chiếc xe mô tô có biển kiểm soát 21E1-122.25 và 01 chiếc đèn pin màu đen bạc có dây đeo trên đầu.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 85/TgT ngày 26/6/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Yên Bái kết luận: Sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên của Đặng Văn T hiện tại là 01%.

Quá trình điều tra Đặng Văn T trình bày diễn biến hành vi bị B và đồng bọn bắt như tóm tắt ở trên. T thừa nhận bản thân có quan hệ bất chính với chị T và bị B bắt quả tang vào tối 10/6/2020. T không có yêu cầu gì chỉ đề nghị Tòa án xem xét xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKS-VY ngày 27/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố Bàn Văn B, Bàn Văn Đ, Triệu Văn T, Bàn Văn M về tội Bắt, giữ người trái pháp luật theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, Đ diện Viện kiểm sát huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố; qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; phân các tích tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Bàn Văn B, Bàn Văn Đ, Triệu Văn T, Bàn Văn M phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật. Đối với Bàn Văn B đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm e, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt Bàn Văn B từ 06 đến 09 tháng tù. Đối với Bàn Văn Đ, Triệu Văn T đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s

khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Bàn Văn Đ, Triệu Văn T mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Đối với Bàn Văn M đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, ấn định khẩu trừ thu nhập của bị cáo M theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu nên không xem xét. Đồng thời xử lý vật chứng và tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, không có tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện V: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp bản kiểm điểm, các bản khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Do biết Đặng Văn T có quan hệ bất chính với vợ mình là Hà Thị T nên ngày 10/6/2020 Bàn Văn B rủ theo Bàn Văn Đ, Triệu Văn T và Đặng Văn H đi bắt quả tang T ngủ với chị T. Khi đi B mang theo một dao tay, một đoạn gậy gỗ và 02 đoạn dây thừng với mục đích để bắt, trói anh T. B không nói cho Đ, T, H biết về những dụng cụ này. Sau đó cả bốn người đi lên lán nương ở thôn Trục Trong, xã L. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì đến lán nương, B đập cửa lán xông vào phát hiện vợ mình đang nằm với anh T. B đè lên người T, dùng chân, tay đâm đá vào mặt, vào người T. Còn Đ và T cũng lao vào mỗi người giữ một tay của T để B dùng dây thừng trói hai tay của T. Còn H cầm con dao B đưa và nhét một con dao trong lán rồi đứng cửa lán không để chị T chạy ra khỏi lán. Sau khi trói được T thì B gọi anh L (lái xe tắc xi) lên chở B về. Trong lúc đợi xe đến, lợi dụng lúc T đi ra ngoài anh T đã cởi trói bỏ chạy ra ngoài nhưng bị B, Đ đuổi theo được khoảng 50m thì bắt được T. B tiếp tục trói anh T lại rồi đưa anh T lên xe đi về nhà mình. Còn Đ, T, H đi xe máy về sau. Về đến nhà, B tiếp tục trói anh T vào cột trước hiên nhà, rồi dùng tay tát vào mặt anh T, cầm dao dọa T và yêu cầu T không được tiếp tục quan hệ với chị T nữa. Tại đây, B có nhờ Bàn Văn M trói T lại, M đã dùng dây trói buộc hai tay của anh T lại với nhau, rồi buộc đầu dây còn lại vào cột hiên nhà. Đến khoảng 6 giờ ngày 11/6/2020 thì vụ việc bị Công an phát hiện và lập biên bản. Hành vi nêu trên của Bàn Văn B, Triệu Văn T, Bàn Văn Đ và Bàn Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội Bắt, giữ người trái

pháp luật theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự, như bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội mà các bị cáo B, Đ, T, M thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do của con người được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm M trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và là bài học để cảnh tỉnh, phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét nhân thân các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Bàn Văn B, Triệu Văn T, Bàn Văn Đ và Bàn Văn M đồng phạm về hành vi bắt, giữ người trái pháp luật nhưng không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công công việc từ trước nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Mỗi bị cáo có vai trò khác nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự về vai trò và hành vi mà mình thực hiện. Việc xem xét quyết định hình phạt đối với từng bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Đối với Bàn Văn B là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc xâm phạm quyền tự do của con người là vi phạm pháp luật nhưng vì sự bức tức, muốn trả thù cá nhân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo B giữ vai trò chính trong vụ án, là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo T, Đ, M thực hiện hành vi bắt, giữ, trói, đánh anh T và là người thực hành tích cực nhất. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét, bị cáo là người có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Mặt khác, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi bắt quả tang bị hại đang nằm cùng với chị Hà Thị T là vợ hợp pháp của bị cáo. Hành vi của Đặng Văn T là vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình nên đã kích động về tinh thần đối với B, dẫn đến B thực hiện hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm e, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ những phân tích nêu trên cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án này và thể hiện tính khoan H của pháp luật.

Đối với Triệu Văn T, Bàn Văn Đ và Bàn Văn M là những người giúp Bàn Văn B thực hiện hành vi phạm tội, nhờ có sự giúp sức của Đ, T và M mà B mới thực hiện được hành vi phạm tội của mình. Nhưng cả Đ, T và M đều là người thực hành nhưng không tích cực bằng B. Trong vụ án này Đ và T tham gia từ đầu để bắt, giữ anh T nên có vai trò như nhau. Còn bị cáo M chỉ giúp B trói hai tay anh T lại và buộc đầu dây vào cột nhà nên giữ vai trò thứ yếu trong vụ án này. Tuy nhiên, cả Đ, T và M đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc bắt, giữ người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tình cảm gia đình, thân quen với Bàn Văn B nên đã cố ý giúp B thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh răn đe, giáo dục từng bị cáo. Khi quyết định hình phạt có xem xét các bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong vụ án này người bị hại cũng có lỗi

dẫn đến các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Bàn Văn Đ, Triệu Văn T, Bàn Văn M có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng nào, nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo và thể hiện tính khoan H của pháp luật Việt Nam. Vì vậy, áp dụng chế định quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đ và T được hưởng án treo. Áp dụng chế định quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự để xem xét khi xử lý đối với bị cáo M. Mặt khác do bị cáo M là lao động tự do, không có việc làm, thu nhập ổn định, sống ở vùng sâu, vùng xa, gia đình thuộc diện mới thoát nghèo nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Bàn Văn M.

[5] Do các bị cáo là người lao động tự do, không có chức vụ gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả bốn bị cáo.

[6] Đối với hành vi dùng tay, chân đâm, đá, tát anh Đặng Văn T mà Bàn Văn B thực hiện hậu quả làm anh T bị thương tích, thiệt hại 01% sức khỏe. Hành vi này không đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích nên không đề cập xử lý trong vụ án này. Về việc B có hành vi đe dọa yêu cầu anh T bồi thường bằng tiền nhưng B không có mục đích chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ xem xét xử lý trong vụ án này.

Đối với hành vi quan hệ bất chính của Đặng Văn T với chị Hà Thị T là người đang có cH. Hành vi này đã vi phạm quy định theo Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện V để xem xét xử lý đối với T là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với Đặng Văn H là người đi cùng B, Đ, T đến lán nương để bắt quả tang việc anh T và chị T ngủ với nhau. H có cầm hộ B con dao tay và nhặt một con dao tại lán nương rồi ra đứng ngoài cửa lán để giữ không cho chị T chạy ra ngoài. H không tham gia vào việc bắt, giữ hoặc không có lời lẽ, hành vi nào đe dọa đối với anh T. Mặt khác, H cũng không biết trước việc B có mục đích bắt, giữ anh T đưa về nhà nên Đặng Văn H không đồng phạm với B, Đ, T, M trong việc bắt, giữ anh T. Vì vậy cơ quan điều tra không đề nghị xem xét xử lý trong vụ án này là phù hợp.

Đối với Bùi Hoàng L: Đêm 10/6/2020 L có dùng xe ô tô chở B và anh T từ thôn Trục Trong, xã L về nhà B ở thôn K, xã Đ nhưng L chỉ là người chạy xe dịch vụ, chở thuê theo yêu cầu của B. Anh L không biết, không tham gia vào việc bắt, giữ, trói anh T nên không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 con dao tay, một con có tổng chiều dài 36,5cm, một con tổng chiều dài 45,5cm; 02 đoạn dây chạc; 01 đèn pin là tài sản của B dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu và tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A11 của Bàn Văn B liên quan đến hành vi

phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S là tài sản của gia đình Đặng Văn H không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Đặng Văn H theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 phong bì thư do Bưu điện Việt Nam phát hành đựng USB bên trong, trong USB chứa dữ liệu hình ảnh về hành vi phạm tội của bị cáo nên chuyển về Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái để lưu vào hồ sơ vụ án.

(Các vật chứng nêu trên được mô tả theo Biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 03/11/2020 giữa Công an huyện Văn Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái).

[7] Do các bị cáo phạm tội, bị xử phạt nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo **Bàn Văn B, Triệu Văn T, Bàn Văn Đ, Bàn Văn M** phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

2. *Về điều luật áp dụng và hình phạt:*

2.1- Đối với Bàn Văn B: Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm e, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bàn Văn B 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 12/6/2020.

2.2- Đối với Triệu Văn T, Bàn Văn Đ: Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Bàn Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bàn Văn Đ, Triệu Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Bàn Văn Đ, Triệu Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3- Đối với Bàn Văn M áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái nhận được Quyết định thi hành án và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

3. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ điểm a,c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiêu hủy: 02 con dao tay, một con có tổng chiều dài 36,5cm, một con tổng chiều dài 45,5cm; 02 đoạn dây chạc; 01 đèn pin.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A11.

Trả lại cho Đặng Văn H: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S.

Chuyển lưu hồ sơ vụ án tại Tòa án: 01 phong bì thư do Bưu điện Việt Nam phát hành đựng USB bên trong.

(Các vật chứng nêu trên được mô tả theo Biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 03/11/2020 giữa Công an huyện Văn Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái).

4. *Về án phí và quyền kháng cáo*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Bàn Văn B, Bàn Văn Đ, Triệu Văn T, Bàn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKS, Công an, THA huyện Văn Yên;
- Nhà tạm giữ, bị cáo B;
- Các bị cáo Đ, T, M;
- Người bị hại;
- Lưu HSơ, Tập án, THA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Sáng